

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2017/HS-PT
Ngày: 21- 12 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Việt.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuyển, Bà Từ Thị Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đoàn Quang Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 21 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 87/2017/HSPT ngày 17/11/2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T, do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 13/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh.

Bị cáo kháng cáo: Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/01/1989 tại Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Nơi ĐKKHKT: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; chỗ ở trước khi bị bắt: Thôn T, xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Phạm Thị H; vợ chưa đăng ký kết hôn: Võ Thị Thuý L, có 01 con sinh năm 2017; tiền án: Có 2 tiền án, bản án số 33/2009/HSPT, ngày 22/4/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại bản án số 97/2006/HSST ngày 30/11/2006 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, buộc chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 năm 06 tháng tù. Chấp hành án tại Trại giam Đồng Sơn, ra Trại ngày 29/8/2014; tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 14/10/2016, sau đó chuyển tạm giam. Hiện đang thi hành án tại Trại giam Đồng Sơn theo bản án số 47/2017/HSPT ngày 10/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, được trích xuất về Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình để phục vụ xét xử. Có mặt.

Trong vụ án còn có các bị cáo Nguyễn Cao C, Hoàng Duy K, các bị hại Hoàng Thị Hương L, Nguyễn Thị Kim O, Phan Văn P, Phạm Đình T và các người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Công T, Nguyễn Văn M nhưng

không có kháng cáo, án không bị kháng nghị nên Toà án không triệu tập tham gia phiên toà phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 04 giờ, ngày 19 tháng 8 năm 2016, Nguyễn Cao C mang theo kìm còng lực, vạm phá khoá thuê xe taxi từ thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình đến khu vực chợ Hiền Ninh thuộc thôn Tân Hiền, xã Hiền Ninh, huyện Quảng Ninh để trộm cắp xe mô tô. C đi bộ trong khu vực và thấy trong sân nhà bà Nguyễn Thị Kim O có xe mô tô, C đột nhập vào sân, dùng kìm còng lực cắt bách (tai) khoá cửa cổng rồi dùng vạm phá khoá cổ, khoá điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại SH MODE màu trắng-nâu, BDK (BKS) 73G1-145.22 của chị Nguyễn Thị Kim O và dắt xe ra khỏi cổng, đến bờ sông gần đó, khởi động máy nhưng không được, C liền gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T nói là có sự cố nhờ T đến giúp. T biết C đã trộm cắp xe mô tô, gặp khó khăn mà không tự giải quyết được nên điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ATTILA đến, cùng C đẩy chiếc xe BDK (BKS) 73G1-145.22 đến một quán sửa chữa xe rồi T trở về còn C vào quán mượn dụng cụ sửa chữa, thao tác nối hệ thống điện, điều khiển xe đến huyện Lệ Thủy giao cho Hoàng Duy K. Hoàng Duy K biết xe này do C trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, bán ông Trần Công T ở tổ dân phố 8, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy với giá 10.000.000 đồng, K đã giao hết số tiền này cho C. Chiếc xe mô tô này đã được thu hồi, trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim O.

Tại Bản kết luận định giá tài sản ngày 03-11-2016, Hội đồng định giá tài sản huyện Quảng Ninh xác định: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại SH MODE, BDK: 73G1-145.22 của bà Nguyễn Thị Kim O có giá trị 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng).

Đối với Nguyễn Cao C ngoài việc trộm cắp xe mô tô của bà Nguyễn Thị Kim O nói trên thì ngày 29/4/2016, Nguyễn Cao C còn trộm cắp 1 xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại VISION, BDK: 73G1-018.99 của bà Hoàng Thị Hương L có giá trị 13.000.000 đồng giao cho Hoàng Duy K nhờ tiêu thụ. Hoàng Duy K biết xe này do C trộm cắp mà có nhưng vẫn tiêu thụ, đưa bán cho ông Trần Công T ở Tổ dân phố 8, thị trấn Kiến Giang, huyện Lệ Thủy với giá 4.000.000 đồng. Ngày 14 tháng 9 năm 2016, Nguyễn Cao C trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA loại EXCITER màu xanh-trắng, BDK: 73G1-061.36 của ông Phan Văn P ở thôn H, xã V, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình, trị giá 26.000.000đ. C khai đã bán chiếc xe này cho Nguyễn Văn M (ở thôn V, xã P, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình) lấy 7.000.000 đồng nhưng Nguyễn Văn M không thừa nhận việc mua bán xe này với Nguyễn Cao C. Ngày 21 tháng 9 năm 2016, Nguyễn Cao C lấy trộm

của ông Phạm Đình T ở thôn T, xã V, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại AIRBLADE màu đen-bạc, BDK 73G1-005.38, trị giá 18.000.000đ, khi điều khiển xe chạy trên đường Quốc lộ 1A tránh lũ đã đâm xe vào cột mốc (cọc tiêu) bên đường, tự gây tai nạn. C để lại xe tại vị trí tai nạn.

Tổng trị giá tài sản 4 xe mô tô mà Nguyễn Cao C trộm cắp là 102.000.000đ, trong đó Nguyễn Văn T tham gia cùng Nguyễn Cao C trộm 01 xe mô tô trị giá 45.000.000đ.

Trong quá trình điều tra và tại phiên toà sơ thẩm, các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Hoàng Duy K khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Cáo trạng số 19/THQCT-KSĐT-MT ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Cao C, về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại các điểm c, e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Hoàng Duy K về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 13/10/2017 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh quyết định tuyên bố các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T phạm “Tội trộm cắp tài sản”; bị cáo Hoàng Duy K phạm “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Áp dụng các điểm c, e khoản 2 Điều 138; các điểm o, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2009/QH12) đối với bị cáo Nguyễn Cao C. Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao C 03 (ba) năm tù; tổng hợp với hình phạt 10 năm 6 tháng tù về tội “Tội trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2017/HSPT ngày 10-7-2017 của TAND tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo Nguyễn Cao C phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 15-10-2016.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2009/QH12). Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14) đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 30 (ba mươi) tháng tù; tổng hợp với hình phạt 07 năm 9 tháng tù về “Tội trộm cắp tài

sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2017/HSPT ngày 10-7-2017 của TAND tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ ngày 14-10-2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 50; khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 15/1999/QH10 (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2009/QH12). Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 12/2017/QH14). Xử phạt bị cáo Hoàng Duy K 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ; tổng hợp với hình phạt 20 tháng cải tạo không giam giữ về “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” tại Bản án số 27/2017/HSST ngày 20-4-2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo Hoàng Duy K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 36 (ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ; thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Hoàng Duy K cho Ủy ban nhân dân xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Áp dụng Điều 275, 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Cao C phải bồi thường thiệt hại cho bị hại Hoàng Thị Hương L 10.000.000đ, bồi thường cho bị hại Phan Văn P 26.000.000đ; tuyên buộc các bị cáo Nguyễn Cao C, Nguyễn Văn T, Hoàng Duy K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, buộc bị cáo Nguyễn Cao C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, tuyên quyền kháng cáo của các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 17/10/2017, bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T khai nhận sau khi nhận điện thoại từ Nguyễn Cao C thì T mới biết việc trộm cắp tài sản của Nguyễn Cao C và C cần sự giúp đỡ của T nên T đã chạy xe mô tô nhãn hiệu ATTLA đến giúp C. Khi đến nơi thấy C đứng bên chiếc xe mô tô và nghe C nói xe không nổ được, sau đó T cùng C đẩy chiếc xe mà C vừa trộm được đến một quán sửa chữa xe để C mượn dụng cụ sửa chữa, thao tác nối hệ thống điện đưa xe đi tiêu thụ. Sau khi cùng C đẩy xe mô tô đến

quán sửa xe thì T về, T không cùng C đưa xe đi bán. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm án cho bị cáo vì bị cáo không tham gia cùng C trộm xe mô tô, bị cáo chỉ giúp C đưa xe mô tô mà C lấy trộm đi tiêu thụ.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T để sửa án sơ thẩm theo tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” đối với bị cáo Nguyễn Văn T. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, giữ y mức án 30 tháng tù đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

Theo lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T tại phiên toà phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Cao C trong quá trình điều tra điều khai nhận Nguyễn Văn T biết việc Nguyễn Cao C trộm cắp xe máy sau khi C đã lấy trộm được xe nhưng không khởi động được xe để đưa đi tiêu thụ nên mới gọi điện thoại nhờ T đến giúp. Theo hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T đã giúp Nguyễn Cao C đưa xe mô tô đến quán sửa xe để C đầu nối khởi động máy, đưa xe vừa lấy trộm đi tiêu thụ thì hành vi phạm tội của Nguyễn Văn T chỉ có đủ yếu tố cấu thành của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999 chứ không phải tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự như quyết định của án sơ thẩm. Do tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và tội “Trộm cắp tài sản” đều có quy định loại hình phạt, mức hình phạt của khoản 1, khoản 2 như nhau nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T để sửa án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Theo các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời khai người bị hại, kết luận định giá tài sản trộm cắp của Hội đồng định giá, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Cao C có đủ yếu tố cấu thành của tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Hành vi phạm tội của bị cáo Hoàng Duy K có đủ yếu tố cấu thành của tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Điều 250 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Bản án hình sự sơ thẩm số 26/2017/HSST ngày 13/10/2017 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh quyết định tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao C phạm tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo Hoàng Duy K phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội, có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn T:

Bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” theo điểm đ khoản 2 Điều 250 Bộ luật Hình sự năm 1999, có hình phạt tù từ 2 năm đến 7 năm. Trong vụ án này bị cáo Nguyễn Văn T đã giúp bị cáo Nguyễn Cao C đưa tài sản do bị cáo C trộm cắp mà có đi tiêu thụ được định giá 45.000.000đ, xét mức độ phạm tội của bị cáo không theo hết quá trình cùng bị cáo C hoàn thành việc bán tài sản do trộm cắp mà có, theo án sơ thẩm thì bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, mức án 30 tháng tù mà án sơ thẩm đã quyết định đối với bị cáo và ý kiến đề nghị giữ y mức án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là có phần hơi nặng đối với bị cáo. Theo đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo để sửa án sơ thẩm, giảm án cho bị cáo.

Do bị cáo Nguyễn Văn T hiện đang phải chấp hành hình phạt 7 năm 9 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2017/HSPT ngày 10-7-2017 của TAND tỉnh Quảng Bình nên phải tổng hợp để buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của hai bản án đối với bị cáo tính từ ngày ngày 14-10-2016.

Do hiện tại bị cáo Nguyễn Văn T đang thi hành hình phạt 7 năm 9 tháng tù theo Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2017/HSPT ngày 10-7-2017 của TAND tỉnh Quảng Bình nên Hội đồng xét xử không phải quyết định tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án.

3, Về án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn T kháng cáo được chấp nhận để sửa tội danh, giảm hình phạt nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu Án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố Tụng hình sự;

1, Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T để sửa án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2, Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 250, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T **27 tháng tù** (hai mươi bảy tháng).

Áp dụng khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 1999, tổng hợp hình phạt 7 năm 9 tháng tù về “Tội trộm cắp tài sản” tại Bản án hình sự phúc thẩm số 47/2017/HSPT ngày 10-7-2017 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **10 năm tù** (mười năm). Thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2016, ngày bị cáo bị bắt tạm giữ sau đó chuyển tạm giam.

3, Về án phí hình sự phúc thẩm:

Căn cứ Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm d khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu Án phí, lệ phí Toà án, bị cáo Nguyễn Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (21/12/2017).

Nơi nhận:

- Theo Điều 254 Bộ luật TTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn Tòa HS, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(đã ký)

Nguyễn Xuân Việt

